

Số: /QĐ-SCT

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh và giao dự toán kinh phí chi NSNN năm 2025 của Văn phòng Sở Công Thương, Chi cục Quản lý thị trường và Trung tâm phát triển Công Thương số 1

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Bắc Ninh sau sắp xếp; Quyết định số 54/QĐ-SCT ngày 04/8/2025 của Giám đốc Sở Công Thương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Sở Công Thương tỉnh Bắc Ninh sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 01/7//2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Công Thương tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Trung tâm Phát triển công thương Bắc Ninh số 1;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-SCT ngày 24/9/2025 của Giám đốc Sở Công Thương về việc điều động công chức;

Căn cứ Quyết định số 191/QĐ-SCT ngày 31/10/2025 của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Bắc Ninh về việc điều chỉnh và giao dự toán kinh phí chi NSNN năm 2025 của Văn phòng Sở Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-SCT ngày 04/11/2025 của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Bắc Ninh về việc điều chỉnh và giao dự toán kinh phí chi NSNN năm 2025 của Văn phòng Sở Công Thương, Chi cục Quản lý thị trường và Trung tâm phát triển Công Thương số 1;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh và giao dự toán kinh phí chi NSNN năm 2025 của Văn phòng Sở Công Thương, Chi cục Quản lý thị trường và Trung tâm phát triển Công Thương số 1.

(Chi tiết theo phụ lục 01 và 02 kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường, Giám đốc Trung tâm phát triển Công Thương số 1 và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- BBT website SCT;
- Lưu: VT, VPNTY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đức Hoàn

**Phụ lục 01: BIỂU ĐIỀU CHỈNH VÀ GIAO DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025
của Văn phòng Sở Công Thương, Chi cục Quản lý thị trường và Trung
tâm phát triển Công Thương số 1**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SCT ngày / /2025 của Sở Công Thương
tỉnh Bắc Ninh)*

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã ĐV QHNS	Mã Ch-L-K	Nguồn	Điều chỉnh	
					Tăng	Giảm
A	DỰ TOÁN THU					
B	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NSNN					
I	Đơn vị dự toán cấp 1				130.278.000	130.278.000
1	Chi Quản lý hành chính				62.736.000	130.278.000
-	Kinh phí tự chủ		416-340-341		52.459.000	105.736.000
	Văn phòng Sở	1062759		13		105.736.000
	Văn phòng Chi cục quản lý thị trường	1062526		13	52.459.000	
-	Kinh phí không tự chủ		416-340-341		10.277.000	24.542.000
	Văn phòng Sở	1062759		18		24.542.000
	Văn phòng Chi cục quản lý thị trường	1062526		18	10.277.000	
2	Chi sự nghiệp kinh tế				67.542.000	
-	Kinh phí chi thường xuyên		416-280-338		53.277.000	
	Trung tâm phát triển công thương Bắc Ninh số 1	1061589		13	53.277.000	
-	Kinh phí chi không thường xuyên				14.265.000	
	Trung tâm phát triển công thương Bắc Ninh số 1	1061589		18	14.265.000	
II	Chi tiết đơn vị dự toán trực thuộc					
1	Văn phòng Sở	1062759				130.278.000
1.1	Chi Quản lý hành chính		416-340-341			130.278.000
a	Kinh phí tự chủ			13		105.736.000
	Quỹ tiền lương, các khoản đóng góp theo lương (Lương 2.340 trđ)			13		84.586.000
	Chi hoạt động: Chi khác theo định mức chi			13		21.150.000

TT	Chỉ tiêu	Mã ĐV QHNS	Mã Ch-L-K	Nguồn	Điều chỉnh	
					Tăng	Giảm
b	Kinh phí không tự chủ					24.542.000
	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73, bao gồm cả HĐ NĐ 111			18		24.542.000
2	Văn phòng Chi cục quản lý thị trường	1062526	416-340-341		62.736.000	
	Chi Quản lý hành chính				62.736.000	
a	Kinh phí tự chủ			13	52.459.000	
	Quỹ tiền lương, các khoản đóng góp theo lương (Lương 2.340 trđ)				37.384.000	
	Chi hoạt động: Chi khác theo định mức chi				15.075.000	
b	Kinh phí không tự chủ				10.277.000	
	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ đối với công chức			18	10.277.000	
3	Trung tâm phát triển Công Thương Bắc Ninh số 1	1061589			67.542.000	
	Chi sự nghiệp kinh tế		416-280-338		67.542.000	
a	Kinh phí chi thường xuyên			13	53.277.000	
	Quỹ tiền lương, các khoản đóng góp theo lương (Lương 2.340 trđ)				47.202.000	
	Chi hoạt động: Chi khác theo định mức chi				6.075.000	
b	Kinh phí không thường xuyên				14.265.000	
	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73, bao gồm cả HĐ NĐ 111			18	14.265.000	

**Phụ lục 2: BIỂU ĐIỀU CHỈNH VÀ GIAO DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025
CỦA VĂN PHÒNG SỞ CÔNG THƯƠNG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SCT ngày / /2025 của Sở Công Thương tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã ĐV QHNS	Mã Ch-L-K	Nguồn	Dự toán giao trước khi điều chỉnh	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh
						Tăng	Giảm	
	Văn phòng Sở Công Thương	1062759			3.008.000.000	1.211.000.000	1.211.000.000	3.008.000.000
1	Chi Quản lý hành chính		416-340-341					
	Kinh phí không tự chủ		416-340-341	12	2.261.000.000	464.000.000	464.000.000	2.261.000.000
	Hội nghị điển hình tiên tiến ngành Công Thương lần thứ IV				105.000.000		105.000.000	
	Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật				126.000.000	105.000.000		231.000.000
	Ban chỉ đạo hội nhập kinh tế quốc tế				18.000.000		18.000.000	0
	Ngày doanh nhân và các ngày lễ lớn				41.000.000		41.000.000	0
	Tuyên truyền về quy định về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại					59.000.000		59.000.000
	Chi cải tạo, nâng cấp TSCĐ: Hệ thống thông tin ngành Công Thương				1.971.000.000		300.000.000	1.671.000.000
	Chi mua sắm trang thiết bị phục vụ Phòng cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá theo					300.000.000		300.000.000

TT	Chỉ tiêu	Mã ĐV QHNS	Mã Ch-L-K	Nguồn	Dự toán giao trước khi điều chỉnh	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh
						Tăng	Giảm	
2	Chi sự nghiệp kinh tế		416-280-338					
	Kinh phí không thường xuyên		416-280-338	12	747.000.000	747.000.000	747.000.000	747.000.000
	Chi Diễn tập ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh				720.000.000		720.000.000	0
	Kinh phí tiếp đoàn vào của Sở Công Thương tỉnh Xay Sôm Bun, Lào					336.000.000		336.000.000
	Tổ chức 02 Hội thảo thuộc lĩnh vực Công Thương					120.000.000		120.000.000
	Chi tuyên truyền trên Báo và Phát thanh, Truyền hình Bắc Ninh, cụ thể: Xây dựng Clip giới thiệu về Ngành Công Thương tỉnh Bắc Ninh sau sắp xếp; Tuyên truyền về các thế mạnh về công nghiệp, thương mại Công Thương tỉnh Bắc Ninh.					264.000.000		264.000.000
	Tuyên truyền hội nhập kinh tế quốc tế trên Báo BN, Đài PTTH, Cổng TTĐT				27.000.000		27.000.000	
	Học tập kinh nghiệm về nghiệp vụ, quy trình, thủ tục và các nội dung liên quan đến cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)					27.000.000		27.000.000